

Bản án số: 155/2018/HS-PT

Ngày: 03/12 /2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Đình Thông

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Đào, bà Trần Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 11 năm 2018 và ngày 03 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 124/2018/HSPT ngày 15 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị L và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2018/HS-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị cáo có kháng cáo

1. **Nguyễn Thị L;** tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 11 năm 1975; tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn Văn M và con bà Nguyễn Thị P (Đã chết); có chồng Lê Văn M và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-7-2017 cho đến ngày 28-7-2017 được thay đổi Biện pháp ngăn chặn bằng hình thức bảo lãnh. (Có mặt)

2. **Võ Thị Thu T;** tên gọi khác: Không; sinh ngày 28 tháng 02 năm 1978 tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Võ Xuân K và bà Nguyễn Thị C; có chồng Hồ Việt T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

3. **Võ Thị Thúy N;** tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 7 năm 1984 tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá : Lớp

12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Võ Xuân K và bà Nguyễn Thị C; có chồng Lê Quang H và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

4. Dương Xuân P; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 6 năm 1976 tại xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn T, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 08/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Dương Xuân T và bà Nguyễn Thị D (đã chết); có vợ Lê Thị N và 03 con; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06-7-2017 cho đến ngày 10-7-2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

Vụ án còn có các bị cáo khác, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 27-6-2017 đến 03-7-2017, trên địa bàn thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Thị L, Võ Thị Thu T và Trần Thị Hoài T “gọi là Chủ Đề” đánh Lô, Đề với những người chơi Lô, Đề (gọi là người đánh Đề) được thua bằng tiền. Nguyễn Thị L đã rủ Võ Thị Thu T, Dương Xuân P ghi bảng Lô, Đề đối với những người đánh Đề, rồi chuyển cho Nguyễn Thị L để hưởng tiền hoa hồng; tiếp đó Võ Thị Thu T đã nhờ Võ Thị Thúy N ghi bảng Lô, Đề đối với người đánh Đề, rồi chuyển cho Võ Thị Thu T để hưởng tiền hoa hồng. Võ Thị Thu T đã tự ý giữ lại một phần trong bảng Lô, Đề do Võ Thị Thúy N chuyển đến (làm Chủ Đề), phần còn lại chuyển cho Nguyễn Thị L, đồng thời Võ Thị Thu T còn trực tiếp đánh Lô, Đề với những người đánh Lô, Đề khác. Trần Thị Hoài T đã rủ Trần Thị T, Nguyễn Tiến H ghi bảng Lô, Đề của những người đánh Đề, rồi chuyển cho Trần Thị Hoài T để hưởng tiền hoa hồng và đồng thời Nguyễn Thị L và Trần Thị Hoài T còn đánh Lô, Đề với nhau qua tin nhắn điện thoại, cụ thể các lần đánh bạc của các bị cáo như sau:

Nguyễn Thị L tham gia đánh bạc 07 lần, cụ thể : Lần thứ nhất với số tiền 20.054.000 đồng, lần thứ 2 với số tiền 10.295.000 đồng, lần thứ 3 với số tiền 8.217.000 đồng, lần thứ 4 với số tiền 23.698.000 đồng, lần thứ 5 với số tiền 32.287.000 đồng, lần thứ 6 với số tiền 26.997.500 đồng, lần thứ 7 với số tiền 13.372.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 134.920.500 đồng.

Võ Thị Thu T tham gia đánh bạc 07 lần, cụ thể: Lần thứ nhất với số tiền 28.908.000 đồng, lần thứ 2 với số tiền 22.462.500 đồng, lần thứ 3 với số tiền 18.690.000 đồng, lần thứ 4 với số tiền 23.595.000 đồng, lần thứ 5 với số tiền 31.717.500 đồng, lần thứ 6 với số tiền 23.595.000 đồng, lần thứ 7 với số tiền 18.950.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 167.918.000 đồng.

Võ Thị Thúy N tham gia đánh bạc 07 lần, cụ thể: Lần thứ nhất với số tiền 28.687.500 đồng, lần thứ 2 với số tiền 22.462.500 đồng, lần thứ 3 với số tiền

18.470.000 đồng, lần thứ 4 với số tiền 23.595.000 đồng, lần thứ 5 với số tiền 28.117.500 đồng, lần thứ 6 với số tiền 20.335.000 đồng, lần thứ 7 với số tiền 18.160.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 159.827.500 đồng.

Trần Thị Hoài T tham gia đánh bạc trong ngày 03-7-2017, bị phát hiện, ngăn chặn trước khi mở thưởng, do Nguyễn Tiến H chuyển tin nhắn đánh bạc đến với số tiền là 15.180.000đ; Trần Thị T chuyển tin nhắn đánh bạc đến với số tiền là 11.690.000đ; Nguyễn Thị L và Trần Thị Hoài T đánh bạc với nhau là 9.902.000đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 39.682.000 đồng.

Dương Xuân P tham gia đánh bạc 04 lần, cụ thể: Lần thứ nhất với số tiền 6.740.000 đồng, lần thứ 2 với số tiền 9.105.000 đồng, lần thứ 3 với số tiền 11.280.000 đồng, lần thứ 4 với số tiền 5.420.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 32.545.000 đồng.

Nguyễn Tiến H tham gia đánh bạc một lần với số tiền là 15.180.000 đồng

Trần Thị T tham gia đánh bạc một lần với số tiền là 11.690.000 đồng.

Với hành vi phạm tội trên, tại bản án số: 34/2018/HS-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh đã Quyết định:

Áp dụng Điểm b Khoản 2, 3 Điều 248; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 30, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Thị L;

Áp dụng Điểm b Khoản 2, 3 Điều 248; Điểm p, q Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 30, Điều 53 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Võ Thị Thu T;

Áp dụng Điểm b Khoản 2, 3 Điều 248; Điểm p, q Khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 30, Điều 53 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Võ Thị Thúy N;

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 30, Điều 53 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Dương Xuân P;

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L, Võ Thị Thu T, Võ Thị Thúy N, Dương Xuân P, Trần Thị Hoài T, Nguyễn Tiến H và Trần Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Tuyên xử về hình phạt:

2.1. Xử phạt Nguyễn Thị L 26 (Hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-7-2017 đến ngày 28-7-2017.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

2.2. Xử phạt Võ Thị Thu T 25 (Hai mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Võ Thị Thu T số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

2.3. Xử phạt Võ Thị Thúy N 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Võ Thị Thuý N số tiền 8.000.000 (Tám triệu) đồng.

2.4. Xử phạt Dương Xuân P 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Dương Xuân P số tiền 8.000.000 (Tám triệu) đồng.

3. Về vật chứng và Biện pháp tư pháp:

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền là phương tiện phạm tội và tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp là 95,868,250 đồng (Chín mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi đồng), nhưng bị cáo được trừ số tiền 49,650,000 đồng hiện đang bị tạm giữ (trong đó 20 triệu đồng tiền đánh bạc và 29,650,000 đồng tiền bị tạm giữ để đảm bảo cho thi hành án).

- Bị cáo Võ Thị Thu T phải nộp là 71,328,500 đồng (Bảy mươi một triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

- Bị cáo Võ Thị Thúy N phải nộp là 23,354,750 đồng (Hai mươi ba triệu, ba trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bị cáo Dương Xuân P phải nộp là 6,745,000 đồng (Sáu triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Án sơ thẩm còn xử phạt phạt Trần Thị Hoài T 18 tháng, Nguyễn Tiến H 12 tháng, Trần Thị T 10 tháng tù và đều cho hưởng án treo, tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, Ngày 11/9/2018, bị cáo Nguyễn Thị L, Võ Thị Thu T, Võ Thị Thúy N, Dương Xuân P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Nguyễn Thị L, Võ Thị Thu T, Võ Thị Thúy N xin xem xét lại khoản tiền truy thu sung công quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều khai và thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung của bản án sơ thẩm. Các bị cáo trình bày ý kiến và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy

hành vi phạm tội của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành của tội “Đánh bạc” được quy định tại Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, theo đó bản án hình sự sơ thẩm số 34/2018/HS-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh quyết định tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm mất trật tự trị an xã hội, đánh bạc là loại tội phạm có thể làm nảy sinh ra các tệ nạn xã hội khác.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyễn Thị L, là chủ đề tham gia 07 lần đánh bạc, Võ Thị Thu T, vừa là chủ đề vừa là người giúp sức cho L tham gia 07 lần đánh bạc, Võ Thị Thúy N, là người giúp sức cho T, trực tiếp ghi bảng đề, đồng phạm trong 07 lần đánh bạc, Dương Xuân P, đồng phạm với vai trò giúp sức, trực tiếp ghi bảng đề cho L, tham gia 04 lần đánh bạc.

Căn cứ theo quy định của pháp luật, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 thì trong trường hợp này tất cả các bị cáo đều phạm tội nhiều lần. Vì vậy, việc tòa án cấp sơ thẩm đã phân hóa vai trò và xử phạt các mức án đối với các bị cáo như vậy là nghiêm minh.

Tuy nhiên, qua xem xét Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận với việc làm của mình, bản thân các bị cáo hiện nay hết sức khó khăn, sau khi xét xử sơ thẩm chính quyền địa phương cũng đã có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đến hoàn cảnh gia đình các bị cáo L, T, N và xem xét giảm án cho các bị cáo, các bị cáo L, T, N cũng đã tự nguyện nộp tiền án phí và tiền phạt theo quyết định của bản án sơ thẩm khi bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Xét thấy các bị cáo L, T, N có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có thêm tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự. Trừ bị cáo P còn lại các bị cáo đều là phụ nữ, trong đó có bị cáo T và bị cáo N là chị em ruột. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy cần áp dụng thêm điều 47 BLHS 1999, xử phạt mức án dưới khung, giảm cho các bị cáo L, T, N một phần hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật và cũng đủ nghiêm để cải tạo giáo dục đối với các bị cáo. Riêng đối với bị cáo P mặc dầu không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nhưng xét vai trò của bị cáo là thấp nhất trong số 04 bị cáo kháng cáo, để đảm bảo tính công bằng của pháp luật đối với vụ án có đồng phạm, xét thấy cũng cần phải xem xét giảm án cho bị cáo.

Về kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Võ Thị Thu T, Võ Thị Thúy N xin xem xét lại khoản tiền truy thu sung công quỹ Nhà nước Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: Theo quy ước giữa các bị cáo với nhau, giữa các bị cáo với những người tham gia đánh lô, đề thì số tiền thắng thua sẽ được tất toán trong ngày. Tuy tại bản cáo trạng và bản án xác định tổng số tiền các bị cáo hưởng lợi: Nguyễn Thị L 55.043.350 đồng, Võ Thị Thu T 9.112.000 đồng, Võ Thị Thúy N 7.174.750 đồng, Dương Xuân P 6.745.500 đồng là không đúng mà số tiền các bị cáo hưởng lợi chính xác phải là: Nguyễn Thị L 49.413.350 đồng (tiền thắng bạc),

Võ Thị Thu T 9.212.000 đồng (tiền hoa hồng từ việc ghi lô, đề và tiền thắng bạc), Võ Thị Thúy N 5.195.750 đồng (tiền hoa hồng từ việc ghi lô, đề), Dương Xuân P 1.325.500 đồng (tiền hoa hồng từ việc ghi lô, đề) nhưng trong phần quyết định của bản án đã tuyên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền là phương tiện phạm tội và tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo (tổng chung) là hoàn toàn chính xác, đúng theo hướng dẫn tại mục 5.1 Nghị quyết 01/2010/ NQ-HĐTP ngày 22/10/2010. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét mà cần bác nội dung yêu cầu này của các bị cáo.

Cũng trong phần quyết định của bản án sơ thẩm, bị cáo Dương Xuân P có thời gian bị tạm giữ nhưng cấp sơ thẩm chưa tính trừ thời gian tạm giữ cho bị cáo là còn thiếu sót, cấp phúc thẩm sẽ khắc phục vấn đề này nhưng cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Các bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm hình phạt cho các bị cáo.

[2] **Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Thị L, Võ Thị Thu T, Võ Thị Thúy N, Dương Xuân P đều phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điểm b Khoản 2, 3 Điều 248; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 30, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt: Nguyễn Thị L 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-7-2017 đến ngày 28-7-2017.

Áp dụng Điểm b Khoản 2, 3 Điều 248; Điểm p, q Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 30, Điều 53 BLHS năm 1999 xử phạt: Võ Thị Thu T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Áp dụng Điểm b Khoản 2, 3 Điều 248; Điểm p, q Khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 30, Điều 53 BLHS năm 1999 xử phạt: Võ Thị Thúy N 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 30, Điều 53 BLHS năm 1999 xử phạt: Dương Xuân P 8 (tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 06-7-2017 cho đến ngày 10-7-2017.

[3] Áp dụng Điểm a, b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 1, Điểm a, b, c Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền là phương tiện phạm tội và tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp là 95,868,250 đồng (Chín mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi đồng), nhưng bị cáo được trừ số tiền 49,650,000 đồng hiện đang bị tạm giữ (trong đó 20 triệu đồng tiền đánh bạc và 29,650,000 đồng tiền bị tạm giữ để đảm bảo cho thi hành án).

Bị cáo Võ Thị Thu T phải nộp là 71,328,500 đồng (Bảy mươi một triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

Bị cáo Võ Thị Thúy N phải nộp là 23,354,750 đồng (Hai mươi ba triệu, ba trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo Dương Xuân P phải nộp là 6,745,000 đồng (Sáu triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

[4] Về án phí: Căn cứ điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 27 - Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, CA, THA sơ thẩm;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Thông